



Quan điểm của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về môi trường thực hành lâm sàng năm 2024

Trần Vũ Hà My¹, Lê Thanh Tùng¹, Mai Thị Hương²,
Luu Thị Xuân³, Nguyễn Văn Tuấn⁴, Lê Thanh Hà⁵

¹Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định; ²Trường Đại học Y Khoa Vinh; ³Trường Cao Đẳng Y tế Sơn La;

⁴Trường Đại học y dược Cần Thơ; ⁵Bệnh viện Trung ương Quân đội 108

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả quan điểm của sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định về môi trường thực hành lâm sàng tại bệnh viện năm 2024. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang thực hiện trên 396 sinh viên điều dưỡng năm thứ 3 và 4 (năm học 2023-2024) sử dụng bộ công cụ CLES+T phiên bản tiếng Việt. Dữ liệu được thu thập qua bảng hỏi tự điền và xử lý bằng phần mềm SPSS với các phép kiểm định thống kê phù hợp. **Kết quả:** Đa số sinh viên rất hài lòng về môi trường thực hành lâm sàng (93,7%); điểm trung bình hài lòng của sinh viên là $4,45 \pm 0,52$. Trong đó, công tác chăm sóc điều dưỡng có điểm hài lòng cao nhất ($4,53 \pm 0,51$), phản ánh sự đánh giá tích cực của sinh viên về chất lượng hỗ trợ thực hành. Các yếu tố khác, như mối quan hệ với người hướng dẫn và vai trò của giảng viên lâm sàng, cũng có điểm cao ($4,46 \pm 0,54$ và $4,46 \pm 0,55$). **Kết luận:** Kết quả cho thấy môi trường thực hành lâm sàng hiện tại đáp ứng tốt nhu cầu học tập của sinh viên, nhưng cần tiếp tục duy trì và phát triển để phù hợp hơn với nhu cầu học tập của sinh viên điều dưỡng thông qua các hoạt động phân công người hướng dẫn giàu kinh nghiệm, tăng cường hướng dẫn cá nhân hóa đối với sinh viên.

Từ khóa: Sinh viên điều dưỡng, môi trường thực hành lâm sàng, sự hài lòng, quan điểm.

Nam Dinh University of Nursing's Views of students about the clinical practice environment in 2024

Tran Vu Ha My¹, Le Thanh Tung¹, Mai Thi Huong²,
Luu Thi Xuan³, Nguyen Van Tuan⁴, Le Thanh Ha⁵

¹Nam Dinh University of Nursing; ²Vinh Medical University; ³Son La Medical College;

⁴Can Tho University of Medicine and Pharmacy; ⁵108 Military Central Hospital

ABSTRACT

Objective: to describe the current state of students' views at Nam Dinh University of Nursing about clinical practice environment at hospital in 2024. **Materials and Methods:** A cross-sectional descriptive study was conducted on 396 third- and fourth-year nursing students, utilizing the Vietnamese version of the CLES+T tool. Data were collected through self-administered questionnaires and analyzed using SPSS software with appropriate statistical tests. **Results:** Most students expressed high satisfaction with the clinical practice environment (93,7%). The mean score of students' satisfaction was 4.45 ± 0.52 . Nursing care activities had the highest satisfaction score (4.53 ± 0.51), reflecting the students' positive evaluation of the quality of practice support. Other factors, such as relationships with supervisors and the role of clinical instructors, also scored high (4.46 ± 0.54 and 4.46 ± 0.55 , respectively). Student satisfaction was associated with personal factors such as age, academic year, residence, and the number of clinical departments they had practiced in. **Conclusions:** The findings indicate that the current clinical practice environment effectively meets the learning needs of students. However, continued maintenance and development are required to better align with the educational needs of nursing students through activities such as assigning experienced mentors and enhancing personalized guidance for students.

Keywords: Nursing students, clinical practice environment, satisfaction, perspectives.

Tác giả: Trần Vũ Hà My
Email: tranvuhamy0107@gmail.com
DOI: 10.54436/jns.2024.06.922

Ngày nhận bài: 29/10/2024
Ngày hoàn thiện: 08/12/2024
Ngày đăng bài: 09/12/2024

ĐẶT VẤN ĐỀ

Năng lực nghề nghiệp cốt lõi của sinh viên điều dưỡng chủ yếu phụ thuộc vào chất lượng chương trình đào tạo. Học tập mô phỏng tại trường cho phép sinh viên thực hành chăm sóc người bệnh trong các tình huống lâm sàng mà không lo thất bại hay ảnh hưởng đến sự an toàn của người bệnh. Mặc dù mô phỏng có thể tái hiện các tình huống hiếm gặp, nhưng không thể thay thế việc trải nghiệm các trường hợp khẩn cấp trong thực tế¹. Ngược lại, thực hành lâm sàng tại bệnh viện giúp sinh viên tiếp cận trực tiếp với môi trường đa dạng và phức tạp², tạo cơ hội phát triển năng lực thông qua việc kết hợp kiến thức, kỹ năng, thái độ và khả năng giải quyết vấn đề³. Điều này giúp sinh viên tự tin hơn, tổ chức tốt kỹ năng và sẵn sàng cho công việc chuyên môn sau này⁴.

Theo Hart và Rotem, môi trường thực hành lâm sàng giống như một môi trường làm việc thực sự, đóng vai trò quan trọng trong phát triển nghề nghiệp của điều dưỡng⁵. Môi trường này bao gồm không khí làm việc, trang thiết bị, nhân viên bệnh viện, người bệnh và giảng viên hướng dẫn⁶. Một môi trường lâm sàng tốt là nơi sinh viên nhận được sự hỗ trợ tích cực từ cả nhân viên bệnh viện và giảng viên điều dưỡng⁷. Các nghiên cứu quan điểm của người học đã thực hiện trước đây không chỉ tập trung vào văn hoá khoa phòng và mối quan hệ giám sát mà còn đánh giá cả mối quan hệ giữa trải nghiệm của sinh viên với mức độ chăm sóc điều dưỡng tại khoa và vai trò của người hướng dẫn.

Tại Việt Nam, chương trình đào tạo điều dưỡng và nội dung giảng dạy trong môi trường lâm sàng được xây dựng dựa trên Chuẩn năng lực cơ bản của Cử nhân điều dưỡng Việt Nam (2022), nhằm chuẩn bị

sinh viên cho nghề nghiệp tương lai. Môi trường thực hành lâm sàng chất lượng đòi hỏi sự phối hợp từ nhà trường và bệnh viện, trong đó giảng viên hướng dẫn sinh viên áp dụng lý thuyết vào thực tế, còn nhân viên bệnh viện chia sẻ kinh nghiệm như đồng nghiệp. Tuy nhiên, trên thực tế không phải môi trường thực hành nào cũng đáp ứng được các nhu cầu học tập và những nghiên cứu trước đây đã cho thấy sinh viên cũng cảm thấy căng thẳng, lo lắng, thiếu tự tin khi học tập trong môi trường thực hành chưa tốt⁷. Theo nghiên cứu của Suresh, kết quả cho thấy mức độ căng thẳng của sinh viên điều dưỡng năm thứ tư trong môi trường lâm sàng ở mức cao và một trong các yếu tố gây căng thẳng cho sinh viên là nhu cầu học tập lâm sàng không được đáp ứng⁸. Kết quả nghiên cứu của Labrague cũng chỉ ra mức độ căng thẳng của sinh viên điều dưỡng dao động từ trung bình đến cao; các yếu tố gây căng thẳng chính bao gồm việc chăm sóc người bệnh, khối lượng công việc cũng như tương tác tiêu cực với nhân viên và giảng viên⁹. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này nhằm mô tả quan điểm của sinh viên Trường Đại học điều dưỡng Nam Định về môi trường thực hành lâm sàng.

ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP

Đối tượng nghiên cứu: Sinh viên điều dưỡng chính quy Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Tiêu chuẩn lựa chọn: Sinh viên điều dưỡng chính quy năm thứ 3 và năm thứ 4 (của năm học 2023-2024) đã hoàn thành ít nhất 2 học phần có nội dung thực hành lâm sàng, đồng ý tham gia nghiên cứu.

Tiêu chuẩn loại trừ: Sinh viên điều dưỡng chính quy đủ điều kiện chọn nhưng kết quả thi kết thúc học phần lâm sàng không đạt hoặc nghỉ quá 20% số giờ thực hành lâm sàng.

Địa điểm và thời gian nghiên cứu: Từ 01/2024 đến 09/2024 tại Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định.

Thiết kế nghiên cứu: Mô tả cắt ngang.

Cỡ mẫu: Áp dụng công thức:

$$n = Z_{(1-\alpha/2)}^2 \frac{\sigma^2}{d^2}$$

Trong đó: n: cỡ mẫu tối thiểu.

Z (hệ số tin cậy) với $\alpha = 0,05$ (khoảng tin cậy ở 95%) suy ra $z = 1,96$. $\sigma = 0,5$. d (sai số cho phép) = 0,05. Vậy $n = 384$. Trên thực tế chúng tôi tiếp cận và thu thập được số liệu nghiên cứu từ 396 sinh viên điều dưỡng chính quy phù hợp với tiêu chuẩn chọn.

Phương pháp chọn mẫu: Mẫu được chọn ngẫu nhiên đơn giản bằng cách bốc thăm từ danh sách sinh viên điều dưỡng năm 3 và năm 4 (năm học 2023-2024) đáp ứng tiêu chuẩn chọn.

Công cụ nghiên cứu:

- Phần 1: Thông tin chung (tuổi, giới tính, dân tộc, nơi cư trú, năm học, bệnh viện thực hành, khoa lâm sàng thực hành)

- Phần 2: Quan điểm của sinh viên về môi trường thực hành được đánh giá bằng thang đo CLES+T (Saarikoski, 2008), phiên bản tiếng Việt do Đỗ Thị Ý Như dịch và chỉnh sửa, hệ số Cronbach Alpha là 0,83. Thang đo gồm 5 thành tố với 37 câu hỏi:

1. Môi trường sư phạm lâm sàng: 12 câu hỏi (B1–B12).

2. Phong cách lãnh đạo của quản lý khoa khám, điều trị bệnh: 4 câu hỏi (C1–C4).

3. Công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa khám, điều trị bệnh: 4 câu hỏi (D1–D4).

4. Mối quan hệ với người hướng dẫn: 3 câu hỏi liên quan đến chức danh (E1), việc

hướng dẫn (E2), số buổi hướng dẫn cá nhân (E3), và 8 câu hỏi bổ sung (E4–E11).

5. Vai trò của giảng viên lâm sàng: 9 câu hỏi (F1–F9).

Câu trả lời được chấm theo thang Likert 5 mức độ: (1) Hoàn toàn không đồng ý; (2) Không đồng ý trong một phạm vi nào đó; (3) Không có ý kiến; (4) Đồng ý trong một phạm vi nào đó; (5) Hoàn toàn đồng ý.

Đánh giá sự hài lòng của sinh viên được thực hiện bằng cách tính khoảng điểm: $(5 - 1) / 3 = 1,33$, với các tiêu chuẩn như sau:

+ Không hài lòng: Điểm trung bình từ 1,00 – 2,33.

+ Hài lòng: Điểm trung bình từ 2,34 – 3,67.

+ Rất hài lòng: Điểm trung bình từ 3,68 – 5,00.

Điểm trung bình càng cao cho thấy mức độ hài lòng của sinh viên với môi trường thực hành lâm sàng càng lớn.

Phương pháp thu thập số liệu: Số liệu được thu thập bằng phương pháp phỏng vấn bằng bộ câu hỏi tự điền. Bộ câu hỏi được phát cho sinh viên tham gia nghiên cứu sau khi hoàn thành ít nhất 2 học phần thực hành lâm sàng. Sinh viên được giải thích về mục đích nghiên cứu và ký giấy chấp nhận tham gia nghiên cứu.

Xử lý số liệu: Số liệu được xử lý theo phần mềm thống kê y học SPSS 26.0 thống kê mô tả: tần số, tỷ lệ phần trăm, trung bình, độ lệch chuẩn.

Đạo đức nghiên cứu: Đề cương nghiên cứu được Hội đồng đạo đức của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định thông qua số 706/GCN-HĐĐĐ. Quá trình nghiên cứu thực hiện đúng các nguyên tắc và quy định trong nghiên cứu y sinh học.

KẾT QUẢ

Đặc điểm đối tượng nghiên cứu: Trong số sinh viên tham gia nghiên cứu, nữ chiếm 87,6% và nam chiếm 12,4%. Độ tuổi dao động từ 21 đến 28, chủ yếu là 21 tuổi (74,2%). Phần lớn sinh viên là dân tộc Kinh (97,5%). Về nơi cư trú, 61,1% (242 sinh viên) sống ở nông thôn và 38,9% (154 sinh viên) ở thành thị. Có 305 sinh viên (77,0%) đang học năm thứ ba và 91 sinh viên (23,0%) học năm thứ tư.

Bảng 1. Quan điểm của sinh viên về môi trường sư phạm lâm sàng (n = 396)

Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý một phần (%)	Không chắc (%)	Đồng ý một phần (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm trung bình
Không khí trong Khoa vui vẻ	0,5	2,0	4,5	39,4	53,5	4,43 ± 0,72
Nhân viên dễ giao tiếp hoặc tiếp xúc	0,5	1,5	6,1	35,6	56,3	4,46 ± 0,72
Nhân viên thích hướng dẫn sinh viên	0,0	0,5	18,7	30,3	50,5	4,31 ± 0,79
Nhân viên nhớ tên sinh viên	1,3	3,3	17,2	32,3	46,0	4,18 ± 0,92
Tại khoa có nhiều tình huống lâm sàng để sinh viên thực hành	0,5	1,0	5,3	35,9	57,3	4,48 ± 0,69
Những kỹ thuật thực hành đa dạng, phong phú	0,3	2,0	4,3	33,8	59,6	4,51 ± 0,70
Người bệnh hợp tác cho sinh viên thực hành chăm sóc	1,0	1,0	6,6	30,3	61,1	4,49 ± 0,75
Khoa có đủ dụng cụ, trang thiết bị cho sinh viên thực hành	0,3	2,0	4,3	34,6	58,8	4,50 ± 0,70
Khoa có phòng học để sinh viên lập kế hoạch chăm sóc hay trao đổi thông tin với giảng viên, người hướng dẫn	0,8	5,1	7,8	34,1	52,3	4,32 ± 0,88
Tôi cảm thấy thoải mái khi bước vào Khoa lúc bắt đầu ca trực của tôi	1,8	0,3	6,1	43,4	48,5	4,37 ± 0,76

Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý một phần (%)	Không chắc (%)	Đồng ý một phần (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm trung bình
Tôi dễ dàng đặt câu hỏi với người hướng dẫn trong quá trình học tập	0,5	0,0	5,8	40,9	52,8	4,45 ± 0,65
Khoa phòng được xem là môi trường thực hành lâm sàng tốt	0,3	1,0	4,5	34,8	59,3	4,52 ± 0,66
Điểm trung bình						4,42 ± 0,59

Quan điểm của sinh viên về Môi trường sư phạm lâm sàng có điểm trung bình là 4,42 ± 0,59. Trong đó tiêu chí thấp nhất là “Nhân viên nhớ tên sinh viên” (4,18 ± 0,92) và tiêu chí cao nhất là “Sinh viên xem khoa phòng là môi trường thực hành lâm sàng tốt” (4,52 ± 0,66).

Bảng 2. Quan điểm của sinh viên về phong cách lãnh đạo của quản lý khoa khám, điều trị bệnh của bệnh viện (n = 396)

Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý một phần (%)	Không chắc (%)	Đồng ý một phần (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm trung bình
Điều dưỡng trưởng lắng nghe ý kiến của nhân viên	0,5	1,3	8,6	38,1	51,5	4,39 ± 0,74
Điều dưỡng trưởng có tham gia hướng dẫn thực hành lâm sàng cho sinh viên	0,5	2,0	7,3	38,4	51,8	4,39 ± 0,75
Sinh viên học hỏi từ những ý kiến, nhận xét của Điều dưỡng trưởng	0,0	1,3	6,1	40,7	52,0	4,43 ± 0,67
Điều dưỡng trưởng có phân công nhân viên hướng dẫn sinh viên thực hành lâm sàng	0,0	0,3	8,1	38,6	53,0	4,44 ± 0,65
Điểm trung bình						4,41 ± 0,62

Quan điểm của sinh viên về Phong cách lãnh đạo của quản lý khoa khám, điều trị bệnh của bệnh viện có điểm trung bình là 4,41 ± 0,62. Trong đó tiêu chí thấp nhất là “Điều dưỡng trưởng có tham gia hướng dẫn thực hành lâm sàng cho sinh viên” (4,39 ± 0,75) và tiêu chí cao nhất là “Điều dưỡng trưởng có phân công nhân viên hướng dẫn sinh viên thực hành lâm sàng” (4,44 ± 0,65).

Bảng 3. Quan điểm của sinh viên về công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa khám, điều trị bệnh của bệnh viện (n = 396)

Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý một phần (%)	Không chắc (%)	Đồng ý một phần (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm trung bình
Tại khoa có phương châm, khẩu hiệu trong việc chăm sóc người bệnh	0,0	0,3	4,3	38,1	57,3	4,53 ± 0,59
Tại khoa, người bệnh được chăm sóc tốt	0,0	0,5	3,8	36,9	58,8	4,54 ± 0,60
Nhân viên ít gây sai sót khi cung cấp thông tin cho người bệnh	0,0	0,8	3,0	41,9	54,3	4,50 ± 0,60
Phiếu chăm sóc của điều dưỡng (vd: Ghi nhận tình trạng người bệnh hàng ngày, kế hoạch chăm sóc v.v) thì rõ ràng	0,0	0,3	2,3	38,9	58,6	4,56 ± 0,56
Điểm trung bình						4,53 ± 0,51

Quan điểm của sinh viên về Công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa khám, điều trị bệnh của bệnh viện có điểm trung bình là $4,53 \pm 0,51$. Trong đó tiêu chí “Nhân viên ít gây sai sót khi cung cấp thông tin cho người bệnh” có điểm trung bình thấp nhất ($4,50 \pm 0,60$) và tiêu chí “Phiếu chăm sóc của điều dưỡng thì rõ ràng” có điểm trung bình cao nhất ($4,56 \pm 0,56$).

Bảng 4. Quan điểm của sinh viên về mối quan hệ với người hướng dẫn (n = 396)

Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý một phần (%)	Không chắc (%)	Đồng ý một phần (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm trung bình
Người hướng dẫn của tôi tích cực hướng dẫn sinh viên	0,3	0,3	4,8	44,2	50,5	4,44 ± 0,62
Người hướng dẫn thường xuyên cho tôi nhận xét sau khi tôi thực hiện những kỹ thuật	0,0	0,5	3,3	42,9	53,3	4,49 ± 0,59
Người hướng dẫn rất mong muốn sinh viên hỏi trong khi thực hành	0,0	0,0	13,6	31,6	54,8	4,41 ± 0,72

Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý một phần (%)	Không chắc (%)	Đồng ý một phần (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm trung bình
Người hướng dẫn có lắng nghe thông tin từ sinh viên	0,0	1,0	6,6	37,9	54,5	4,46 ± 0,66
Ít có sự bất đồng ý kiến, gây gở xích mích giữa người hướng dẫn và sinh viên	0,5	0,3	4,5	40,4	54,3	4,48 ± 0,65
Tôi cảm thấy tôi đã nhận được sự hướng dẫn cá nhân	0,5	1,3	4,5	42,9	50,8	4,42 ± 0,69
Tôi và người hướng dẫn tin tưởng lẫn nhau	0,3	0,0	5,6	41,7	52,5	4,46 ± 0,63
Tôi hài lòng với sự hướng dẫn mà tôi nhận được	0,0	0,3	3,3	43,7	52,8	4,49 ± 0,58
Điểm trung bình						4,46 ± 0,54

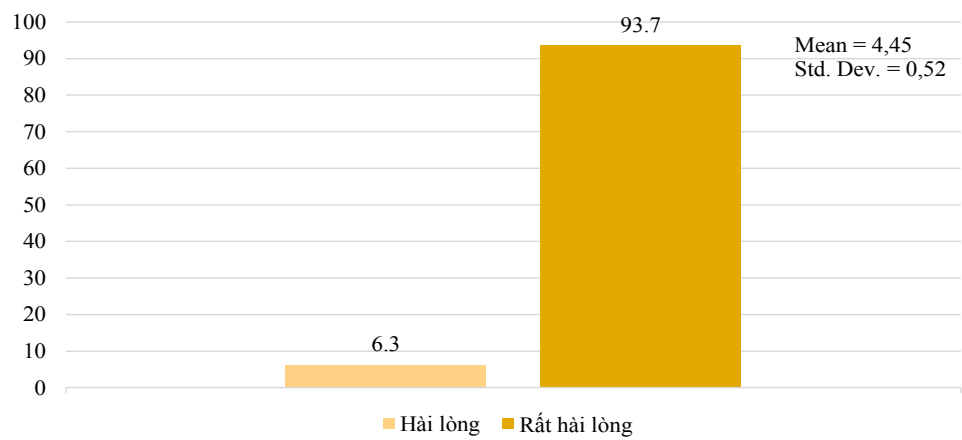
Điểm trung bình quan điểm của sinh viên về Mối quan hệ với người hướng dẫn là 4,46 ± 0,54. Trong đó tiêu chí “Người hướng dẫn thường xuyên cho tôi nhận xét sau khi tôi thực hiện những kỹ thuật” có điểm trung bình cao nhất (4,49 ± 0,59).

Bảng 5. Quan điểm của sinh viên về vai trò của giảng viên lâm sàng (n = 396)

Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý một phần (%)	Không chắc (%)	Đồng ý một phần (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm trung bình
Người giảng viên có kết hợp dạy lý thuyết và thực hành điều dưỡng hàng ngày	0,0	0,3	2,8	40,2	56,8	4,54 ± 0,57
Người giảng viên giúp tôi đạt được chỉ tiêu thực hành	0,0	0,5	3,5	40,2	55,8	4,51 ± 0,59
Người giảng viên giúp tôi giảm những lỗ hổng giữa lý thuyết và thực hành	0,0	0,8	2,0	40,4	56,8	4,53 ± 0,58
Người giảng viên hòa đồng với nhân viên điều dưỡng tại khoa	0,0	0,8	3,3	39,9	56,1	4,51 ± 0,60
Người giảng viên hướng dẫn nhân viên cách phân công, kiểm tra, đánh giá và cho điểm sinh viên	0,3	0,0	6,6	39,1	54,0	4,47 ± 0,64

Nội dung	Rất không đồng ý (%)	Không đồng ý một phần (%)	Không chắc (%)	Đồng ý một phần (%)	Rất đồng ý (%)	Điểm trung bình
Người giảng viên và nhân viên bệnh viện cùng làm việc với nhau để hỗ trợ việc học của tôi	0,0	2,3	4,5	38,9	54,3	4,45 ± 0,69
Ngoài giờ thực hành, tôi, nhân viên điều dưỡng và giảng viên trao đổi thông tin rất thoải mái	0,3	1,0	8,6	38,6	51,5	4,40 ± 0,71
Trong những lúc nói chuyện với giảng viên và nhân viên bệnh viện ngoài giờ thực hành, tôi có cảm giác chúng tôi là đồng nghiệp	0,3	2,3	19,4	31,8	46,2	4,21 ± 0,85
Những lúc nói chuyện với nhân viên và giảng viên, tôi học được những kiến thức chuyên môn và quy tắc ứng xử	0,0	0,8	2,5	38,9	57,8	4,54 ± 0,59
Điểm trung bình						4,46 ± 0,55

Quan điểm của sinh viên về Vai trò của giảng viên lâm sàng có điểm trung bình là $4,46 \pm 0,55$. Trong đó tiêu chí “Sinh viên học được những kiến thức chuyên môn và quy tắc ứng xử khi nói chuyện với nhân viên và giảng viên” có điểm trung bình cao nhất ($4,54 \pm 0,59$) và thấp nhất là tiêu chí “Sinh viên cảm giác giống như đồng nghiệp của nhân viên và giảng viên” ($4,21 \pm 0,85$).



Biểu đồ 1. Mức độ hài lòng của sinh viên về môi trường thực hành lâm sàng (n = 396)

Mức độ hài lòng của sinh viên khi đánh giá về môi trường thực hành lâm sàng ở mức hài lòng (6,3%) và rất hài lòng (93,7%) với điểm hài lòng trung bình là $4,45 \pm 0,52$.

BÀN LUẬN

Sinh viên Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định tham gia nghiên cứu thể hiện mức độ hài lòng cao với môi trường thực hành lâm sàng với 93,7%, rất hài lòng. Điểm trung bình 5 thành tố từ thang đo CLES+T có dao động từ $4,41 \pm 0,62$ đến $4,53 \pm 0,51$, không chênh lệch đáng kể so với điểm trung bình chung là $4,45 \pm 0,52$. Hầu hết sinh viên chọn “đồng ý một phần” hoặc “hoàn toàn đồng ý” khi đánh giá. Kết quả này cao hơn so với các nghiên cứu của 9 nước Châu Âu ($3,3-4,0$)¹⁰; nghiên cứu của Papastavrou (2016)¹¹ với điểm hài lòng trung bình là 4,1; nghiên cứu của Vũ Thị Xím và Nguyễn Thị Anh (2023)¹² với điểm trung bình là 3,78. Thành tố được đánh giá cao nhất là công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa ($4,53 \pm 0,51$), trong khi phong cách lãnh đạo của quản lý khoa có điểm thấp nhất ($4,41 \pm 0,62$). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Lê Quốc Dũng⁷ nhưng lại có sự khác biệt so với nghiên cứu của Hồ Thị Lan Vi¹³ và của Kamila Alammar¹⁴, cho thấy yếu tố môi trường thực hành và sự khác biệt văn hoá, chương trình đào tạo có thể ảnh hưởng đến sự hài lòng của sinh viên.

Về môi trường sư phạm lâm sàng: 90,9% sinh viên rất hài lòng, điểm trung bình là $4,42 \pm 0,59$; cao hơn nghiên cứu của Juxia Zhang¹⁵ ($3,77 \pm 0,77$) và nghiên cứu của Nguyễn Việt Phương¹⁶ ($3,84 \pm 0,61$). Môi trường sư phạm là cơ sở học tập, sự định hướng cũng như thái độ khi hướng dẫn sinh viên, góp phần tạo nên môi trường học tập có ý nghĩa và an toàn.⁷ Môi trường lâm sàng đòi hỏi phải có những tình huống chăm sóc đa dạng, đầy đủ dụng cụ, trang thiết bị y tế cũng như phòng học để hỗ trợ cho sinh viên học tập đồng thời phải có sự tiếp xúc trực tiếp với nhân viên y tế và người bệnh. Môi trường sư phạm tốt tạo điều kiện cho sinh

viên liên kết lý thuyết với thực hành, nâng cao sự tự tin và hiệu quả học tập.

Về phong cách lãnh đạo của quản lý khoa: 90,7% rất hài lòng, không có sinh viên không hài lòng, với điểm trung bình $4,41 \pm 0,62$; cao hơn kết quả nghiên cứu của Juxia Zhang¹⁵ ($4,02 \pm 0,65$) và nghiên cứu Nguyễn Việt Phương¹⁶ ($3,92 \pm 0,83$). Phong cách lãnh đạo của người quản lý khoa có vai trò quan trọng, giúp định hướng và tổ chức hiệu quả các hoạt động thực hành lâm sàng. Hầu hết các nhóm sinh viên của Trường Đại học Điều dưỡng Nam Định khi bắt đầu đi thực hành lâm sàng tại khoa sẽ đều được điều dưỡng trưởng tiếp nhận, phân nhóm và phân công phụ trách các buồng, phòng, giường bệnh. Theo Pearcey và Elliot (2004) trải nghiệm của sinh viên và những ấn tượng của họ về nghề điều dưỡng chịu ảnh hưởng rất nhiều bởi văn hóa trong khoa¹⁷. Các phong cách lãnh đạo khác nhau cũng là một trong những nội dung sinh viên có thể học tập để đáp ứng được Chuẩn năng lực cơ bản của cử nhân điều dưỡng Việt Nam về quản lý và lãnh đạo.

Về công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa: 97,2% rất hài lòng, với điểm trung bình cao nhất là $4,53 \pm 0,51$; vượt Juxia Zhang¹⁵ ($3,99 \pm 0,64$) và nghiên cứu của Nguyễn Việt Phương¹⁶ ($4,16 \pm 0,67$). Công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa có thể coi là bức tranh toàn cảnh giúp giúp sinh viên hiểu rõ vai trò nghề nghiệp và tích lũy kinh nghiệm thực tế. Khoa lâm sàng có phương châm, khẩu hiệu rõ ràng giúp công tác chăm sóc người bệnh, các công việc của từng cá nhân và cả tập thể khoa được đồng bộ, thống nhất. Từ đó, sinh viên có nhiều cơ hội để tiếp thu kiến thức chuẩn, nâng cao tay nghề, tích lũy được kinh nghiệm và trải nghiệm được các tình huống trên lâm sàng.

Về mối quan hệ với người hướng dẫn: 95,2% rất hài lòng, với điểm trung bình là

$4,46 \pm 0,54$; cao hơn Juxia Zhang ¹⁵ ($3,99 \pm 0,71$) và nghiên cứu của Nguyễn Việt Phương ¹⁶ ($4,23 \pm 0,69$). Mỗi quan hệ hướng dẫn bao gồm thái độ của người hướng dẫn (giảng viên và nhân viên điều dưỡng) đối với sinh viên, sự tương tác giữa hai bên và những thông tin phản hồi từ sinh viên lại cho người hướng dẫn. Sự hỗ trợ và phản hồi kịp thời từ người hướng dẫn giúp sinh viên tự tin, khắc phục sai sót và nâng cao kỹ năng. Không chỉ tiếp nhận các ý kiến đóng góp của người hướng dẫn, sinh viên cũng có nhu cầu chia sẻ ý kiến, thắc mắc, khó khăn với người hướng dẫn thực hành lâm sàng. Sự tương tác tốt hai phía giúp nâng cao chất lượng học tập lâm sàng của sinh viên; ngược lại, khi tiếp xúc với người hướng dẫn thờ ơ, hời hợt làm cho sinh viên chán nản, thiếu tích cực, ngại học hỏi.

Về vai trò của giảng viên lâm sàng: 93,4% rất hài lòng, với điểm trung bình $4,46 \pm 0,55$; cao hơn Juxia Zhang ¹⁵ ($3,98 \pm 0,62$) và nghiên cứu của Nguyễn Việt Phương ¹⁶ ($4,18 \pm 0,63$). Giảng viên lâm sàng là cầu nối giúp sinh viên vận dụng lý thuyết vào thực hành, đảm bảo quá trình học tập hiệu quả, giúp sinh viên không bị bối rối và làm quen với môi trường mới. Để có thể kết nối sinh viên với môi trường học tập mới đòi hỏi người giảng viên phải có sự giao tiếp với nhân viên của khoa. Việc giao tiếp có hiệu quả giữa sinh viên và người hướng dẫn cũng là một yếu tố thuận lợi giúp cho sinh viên tiếp thu được thêm đa dạng kiến thức, nâng cao được tay nghề và đạt được các mục tiêu học tập đã đề ra. Trái lại, sinh viên có thể có cảm giác bị bỏ mặc, cô lập khi không được người hướng dẫn quan tâm, hỗ trợ; đặc biệt là khi họ đang trong một môi trường mới ¹⁵.

Tóm lại, mức độ hài lòng cao của sinh viên phản ánh một môi trường học tập lâm sàng tích cực, hỗ trợ việc liên kết lý thuyết

với thực hành và nâng cao nhận thức nghề nghiệp. Những khác biệt giữa các nghiên cứu có thể do sự khác biệt về môi trường thực hành, văn hóa, và chương trình đào tạo ^{7, 18}. Việc cải thiện các yếu tố này sẽ nâng cao chất lượng giáo dục và sự hài lòng của sinh viên.

KẾT LUẬN

Quan điểm của sinh viên về môi trường thực hành lâm sàng nhìn chung rất tích cực, với điểm hài lòng trung bình $4,45 \pm 0,52$. Yếu tố được đánh giá cao nhất là công tác chăm sóc điều dưỡng tại khoa khám, điều trị bệnh, trong khi yếu tố được đánh giá thấp nhất là phong cách lãnh đạo của quản lý khoa. Kết quả cho thấy môi trường thực hành lâm sàng hiện tại đã đáp ứng tốt nhu cầu học tập của sinh viên, nhưng cần tiếp tục duy trì và phát triển để phù hợp hơn với nhu cầu học tập của sinh viên điều dưỡng thông qua các hoạt động phân công người hướng dẫn giàu kinh nghiệm, tăng cường hướng dẫn cá nhân hóa đối với sinh viên.

Các cơ sở đào tạo và nhà giáo dục lâm sàng nên tiếp tục duy trì và cải thiện môi trường học tập lâm sàng, tập trung phát triển các yếu tố hiện có để đáp ứng tốt hơn nhu cầu học tập của sinh viên. Ngoài ra, cần mở rộng nghiên cứu trên sinh viên điều dưỡng tại nhiều cơ sở giáo dục đại học khác nhau để thu thập phản hồi đa dạng và tổng quát hơn về môi trường thực hành lâm sàng.

Do hạn chế về thời gian, kinh tế và nguồn lực nên chúng tôi chỉ thực hiện nghiên cứu mô tả cắt ngang nhằm mô tả quan điểm của sinh viên điều dưỡng chính quy về môi trường thực hành lâm sàng tại bệnh viện. Đây cũng là bước đầu cho nghiên cứu can thiệp tiếp theo để bổ sung cho các kết luận thêm ý nghĩa, có độ tin cậy cao hơn và có tính thuyết phục hơn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lâm Tài Hoàng Hiếu, Ngô Lê Hoàng Giang, Nguyễn Thị Tuyết Ngân. Đánh giá sự hài lòng của sinh viên ngành điều dưỡng sau khoá học thực hành mô phỏng tại Trường Đại học Trà Vinh. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Trà Vinh*. 2023;04(số chuyên đề):118-129. doi:10.35382/tvujs.13.5.2023.156.
2. Chan D. Development of the clinical learning environment inventory: using the theoretical framework of learning environment studies to assess nursing students, perceptions of the hospital as a learning environment. *Journal of Nursing Education*. 2002;41(2):69-75. doi:10.3928/0148-4834-20020201-06.
3. D'Souza M.S, Karkada S.N, Parahoo K, et al. Perception of and satisfaction with the clinical learning environment among nursing students. *Nurse education today*. 2015;35(6):833-840. doi:10.1016/j.nedt.2015.02.005.
4. Edwards H, Smith S, Courtney M, et al. The impact of clinical placement location on nursing students' competence and preparedness for practice. *Nurse education today*. 2004;24(4):248-255. doi:10.1016/j.nedt.2004.01.003.
5. Hart G, Rotem A. The clinical learning environment: nurses' perceptions of professional development in clinical settings. *Nurse education today*. 1995;15(1):3-10. doi:10.1016/S0260-6917(95)80071-9.
6. Papp I, Markkanen M, Bonsdorff Mv. Clinical environment as a learning environment: student nurses' perceptions concerning clinical learning experiences. *Nurse education today*. 2003;23(4):262-268. doi:10.1016/S0260-6917(02)00185-5.
7. Lê Quốc Dũng. Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng về môi trường thực hành lâm sàng. Luận văn Thạc sĩ. Trường Đại học Y dược Thành phố Hồ Chí Minh; 2016.
8. Suresh P, Matthews A, Coyne I. Stress and stressors in the clinical environment: a comparative study of fourth-year student nurses and newly qualified general nurses in Ireland. *Journal of Clinical Nursing*. 2012;22(5-6):770-779. doi:https://doi.org/10.1111/j.1365-2702.2012.04145.x.
9. Labrague LJ, McEnroe-Petitte DM, Gloe D, et al. A literature review on stress and coping strategies in nursing students. *Journal of Mental Health*. 2017;26(5):471-480. doi:https://doi.org/10.1080/09638237.2016.1244721.
10. Warne T, Johansson U-B, Papastavrou E, et al. An exploration of the clinical learning experience of nursing students in nine European countries. *Nurse Education Today*. 2010;30(8):809-815. doi:10.1016/j.nedt.2010.03.003.
11. Papastavrou E, Dimitriadou M, Tsangari H, et al. Nursing students' satisfaction of the clinical learning environment: a research study. *BioMed Central nursing*. 2016;15(44). doi:10.1186/s12912-016-0164-4.
12. Vũ Thị Xim, Nguyễn Thị Anh. Hài lòng của sinh viên điều dưỡng Trường Đại học Nguyễn Tất Thành về môi trường học lâm sàng. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*. 2023;228(12):466-473.
13. Hồ Thị Lan Vi, Dương Thị Ngọc Bích, Phạm Thị Thảo. Khảo sát sự hài lòng về môi trường học tập lâm sàng của sinh viên Điều dưỡng Trường Đại học Duy Tân. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Duy Tân*. 2020;04(41):128-136.

14. Alammam K, Ahmad M, Almutairi S, Salem O. Nursing Students' Perception of the Clinical Learning Environment. *The Open Nursing Journal*. 2020;14:174-179. doi:10.2174/1874434602014010174.

15. Zhang J, Shields L, Ma B, et al. The clinical learning environment, supervision and future intention to work as a nurse in nursing student: a cross-sectional and descriptive study. *BioMed Central Medical Education*. 2022;22(548). doi:10.1186/s12909-022-03609-y.

16. Nguyễn Việt Phương và cộng sự. Mức độ hài lòng của sinh viên điều dưỡng

Trường Đại học Y dược Cần Thơ về môi trường thực hành lâm sàng. *Tạp chí khoa học Điều dưỡng*. 2023;04(06):118-129. doi:10.54436/jns.2023.04.672.

17. Pearcey P.A, Elliott B.E. Student impressions of clinical nursing. *Nurse Education Today*. 2004;24(5):382-387. doi:10.1016/j.nedt.2004.03.007.

18. Dunn S.V, Hansford B. Undergraduate nursing students' perceptions of their clinical learning environment. *Journal of advanced nursing*. 1997;25(6):1299-1306. doi:10.1046/j.1365-2648.1997.19970251299.x.